



Đại hội XIV của Đảng: Gợi mở tư tưởng Phật giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc

ISSN: 2734-9195

09:51 05/02/2026

Chính sự gặp gỡ này tạo nên sức mạnh mềm đặc thù của Việt Nam, sức mạnh của sự đồng thuận được xây dựng trên nền tảng đạo lý, của ổn định xã hội được bồi đắp từ niềm tin, và của phát triển được dẫn dắt bởi trí tuệ và nhân ái.

Tác giả: Nguyễn Hoàng Hành

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam (01/2026) là sự kiện chính trị - tư tưởng trọng đại, mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, sâu và phức tạp. Bài viết phân tích những kết quả cốt lõi của Đại hội XIV theo Đề cương Thông báo nhanh của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; làm rõ nội hàm tư tưởng của các định hướng chiến lược về phát triển, đại đoàn kết và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đồng thời luận giải sự tương hợp giữa tư tưởng chính trị của Đảng với tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong việc nuôi dưỡng đạo đức xã hội, củng cố đồng thuận và ổn định tinh thần cộng đồng.

Từ khóa: Đại hội XIV, đại đoàn kết, Phật giáo Việt Nam, dân tộc - tôn giáo, nền tảng tư tưởng của Đảng.

1. Đại hội XIV - Sự kiện tư tưởng của thời đại phát triển mới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức trong một thời điểm lịch sử có ý nghĩa đặc biệt, khi đất nước bước vào giai đoạn hiện thực hóa hai mục tiêu chiến lược trăm năm (1930-2030; 1945-2045), đồng thời phải đối diện với những thách thức mang tính thời đại như cạnh tranh

chiến lược toàn cầu ngày càng gay gắt, biến đổi khí hậu, khủng hoảng giá trị và sự chuyển dịch sâu sắc của mô hình phát triển. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIV không chỉ là một sự kiện chính trị, mà còn là một sự kiện tư tưởng - văn hóa, phản ánh nhu cầu tự làm mới hệ giá trị phát triển của quốc gia trước những biến động của thế giới đương đại.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Theo Đề cương Thông báo nhanh của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đại hội XIV được xác định là: **“Đại hội của ý chí tự chủ chiến lược, tự lực, tự cường, của khát vọng vươn lên và niềm tin son sắt vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn”**.

Nhận định này hàm chứa một nội dung tư tưởng quan trọng: trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, Việt Nam không lựa chọn phát triển bằng cách hòa tan mình vào những mô hình ngoại sinh, mà khẳng định con đường phát triển dựa trên bản lĩnh tự chủ, trên nền tảng đại đoàn kết toàn dân tộc và trên hệ giá trị nhân văn của chủ nghĩa xã hội.

Ở bình diện tư tưởng, Đại hội XIV cho thấy sự khẳng định rõ ràng rằng con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không chỉ là một mô hình chính trị - kinh tế, mà trước hết là một **lựa chọn giá trị**, trong đó con người, cộng đồng và công bằng xã hội được đặt ở vị trí trung tâm của tiến trình phát triển. Điều này thể hiện sự chuyển dịch quan trọng từ cách tiếp cận phát triển thuần túy dựa trên tăng trưởng sang cách tiếp cận phát triển dựa trên phẩm chất sống và hạnh phúc xã hội – một quan niệm có sự tương hợp sâu sắc với tinh thần Phật học nhập thế, coi sự an lạc của con người và sự hài hòa của cộng đồng là thước đo căn bản của tiến bộ.

Tư tưởng ấy gặp gỡ trực tiếp với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: **“Dân là gốc. Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân”**.

Đại hội XIV tiếp tục phát triển và nâng tầm tư tưởng này khi xác định Nhân dân vừa là **trung tâm**, vừa là **chủ thể**, đồng thời là **mục tiêu** và **động lực** của phát triển. Sự xác định ấy cho thấy một điểm nhấn mang tính đạo lý: phát triển không phải chỉ để làm giàu cho quốc gia theo nghĩa kinh tế, mà trước hết là để làm cho đời sống con người bớt khổ đau, tăng an ổn và mở rộng cơ hội sống có phẩm giá.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng, Đại hội XIV không chỉ bàn về những chỉ tiêu tăng trưởng hay những cấu trúc kinh tế mới, mà trước hết đặt ra vấn đề **đạo lý phát triển** trong thời đại mới: phát triển để phục vụ con người, phát triển để củng cố cộng đồng và phát triển để kiến tạo một xã hội hài hòa, nhân văn và bền vững. Chính ở chiều sâu này, Đại hội XIV mang ý nghĩa của một sự kiện tư tưởng, trong đó chính trị, đạo đức và khát vọng nhân sinh được kết nối thành một chỉnh thể thống nhất.

2. Đổi mới tư duy văn kiện - Từ “báo cáo” sang “hành động”

Một trong những kết quả có ý nghĩa phương pháp luận nổi bật của Đại hội XIV là sự đổi mới căn bản trong cách thức xây dựng Văn kiện. Lần đầu tiên, Báo cáo chính trị được tích hợp từ ba báo cáo lớn: báo cáo về đường lối chính trị, báo cáo về phát triển kinh tế - xã hội và báo cáo về công tác xây dựng Đảng, tạo thành một chỉnh thể thống nhất về tư duy, mục tiêu và giải pháp. Sự tích hợp này không chỉ phản ánh yêu cầu tinh gọn về hình thức, mà quan trọng hơn, thể hiện sự chuyển biến về chất trong tư duy lãnh đạo: từ tư duy phân mảnh theo lĩnh vực sang tư duy tổng thể, từ trình bày chủ trương sang tổ chức hành động.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Trong Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội XIV, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: **“Phát triển nhanh nhưng phải bền vững; lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực then chốt; lấy thể chế hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng; lấy hạnh phúc của Nhân dân làm thước đo cao nhất”**.

Nhận định này hàm chứa một sự thay đổi sâu sắc trong cách tiếp cận phát triển: từ việc ưu tiên tốc độ tăng trưởng sang chú trọng chất lượng tăng trưởng; từ việc điều hành bằng mệnh lệnh hành chính sang quản trị phát triển dựa trên pháp quyền, dữ liệu và trách nhiệm giải trình; từ việc đo lường thành công bằng các chỉ số kinh tế sang đo lường bằng mức độ cải thiện đời sống và sự an ổn tinh thần của Nhân dân.

Ở bình diện triết học phát triển, đây là bước chuyển từ logic “tăng trưởng” sang logic “phát triển nhân văn”, trong đó kinh tế không tách rời đạo đức, kỹ thuật không tách rời trách nhiệm xã hội và cải cách thể chế không tách rời xây dựng niềm tin cộng đồng. Nếu nhìn từ Phật học, sự chuyển dịch này có thể được hiểu như quá trình chuyển hóa từ **tham cầu tích lũy** sang **trí tuệ điều hòa**, từ việc chạy theo gia tăng của cải vật chất sang việc kiến tạo các điều kiện sống bền vững cho con người và xã hội. Phát triển, theo tinh thần ấy, không còn là sự mở rộng vô hạn của nhu cầu, mà là sự tổ chức hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và an lạc tinh thần.

Chính trong chiều sâu đó, việc đổi mới tư duy Văn kiện tại Đại hội XIV không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật lập văn bản, mà còn thể hiện một định hướng giá trị: chuyển từ tư duy “báo cáo thành tích” sang tư duy “thiết kế hành động”, từ việc

nêu mục tiêu chung sang việc xác lập những con đường cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu ấy trong đời sống Nhân dân. Điều này cho thấy Đại hội XIV không dừng lại ở việc tổng kết quá khứ, mà chủ yếu hướng tới việc kiến tạo tương lai - một tương lai trong đó phát triển gắn liền với trách nhiệm, thịnh vượng gắn liền với đạo lý và tiến bộ gắn liền với hạnh phúc con người.

3. Ba đột phá chiến lược - Cấu trúc của sự phát triển

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định ba đột phá chiến lược cho giai đoạn phát triển mới, thể hiện một tầm nhìn tổng thể về cấu trúc vận hành của tiến trình phát triển quốc gia trong bối cảnh biến động toàn cầu và yêu cầu nội tại của công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất, đột phá về thể chế và tổ chức thực thi: Đại hội nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, chuyển mạnh sang mô hình quản trị phát triển dựa trên pháp quyền, dữ liệu và trách nhiệm giải trình. Ở đây, thể chế không chỉ được hiểu như khuôn khổ pháp lý, mà còn là môi trường đạo lý của đời sống xã hội, nơi công bằng, minh bạch và kỷ cương trở thành chuẩn mực chung. Trong cách tiếp cận này, thể chế giữ vai trò “khai thông con đường” cho phát triển, làm giảm những lực cản mang tính cơ chế và hạn chế sự vận hành tùy tiện của quyền lực, từ đó tạo điều kiện để năng lực sáng tạo của xã hội được giải phóng.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Thứ hai, đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao: Đại hội xác định gắn kết chặt chẽ giáo dục - đào tạo với khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo,

coi con người là yếu tố quyết định chiều sâu và chất lượng của phát triển. Nếu thể chế là con đường, thì con người chính là chủ thể đi trên con đường ấy. Phát triển nguồn nhân lực không chỉ là đào tạo kỹ năng lao động, mà còn là bồi dưỡng năng lực tư duy, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội. Ở bình diện Phật học, đây là quá trình nuôi dưỡng **nội lực trí tuệ và phẩm chất thiện** của con người, để sự tiến bộ vật chất không tách rời sự trưởng thành tinh thần.

Thứ ba, đột phá về kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại: Đại hội ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng và hạ tầng số như những điều kiện vật chất căn bản của nền kinh tế hiện đại. Hạ tầng ở đây không chỉ là công trình kỹ thuật, mà còn là không gian sinh tồn và tương tác của xã hội. Một hệ thống hạ tầng hợp lý sẽ mở rộng khả năng tiếp cận cơ hội, thu hẹp khoảng cách vùng miền và tạo điều kiện cho tri thức, công nghệ và giá trị nhân văn được lan tỏa sâu rộng hơn trong cộng đồng.

Ba đột phá chiến lược này tạo thành một chỉnh thể phát triển mới: **Thể chế mở đường - nhân lực quyết định chiều sâu - hạ tầng tạo không gian.**

Đây không phải là ba yếu tố rời rạc, mà là ba mặt của một cấu trúc vận hành thống nhất: thể chế định hình phương hướng, con người quyết định chất lượng, và hạ tầng bảo đảm khả năng hiện thực hóa mục tiêu.

Ở chiều sâu triết học, có thể nhận thấy sự tương hợp giữa cấu trúc phát triển mà Đại hội XIV đề ra với quan niệm Phật học về việc kiến tạo các **điều kiện thiện** (thiện duyên) cho sự hình thành và phát triển của một xã hội an lạc. Thể chế là quá trình kiến tạo **điều kiện thiện** để các năng lực xã hội được vận hành đúng hướng; con người là quá trình phát triển **năng lực thiện** để trí tuệ và đạo đức cùng song hành; còn hạ tầng là sự mở rộng **môi trường thiện**, nơi các giá trị tiến bộ có thể lan tỏa và bền vững. Trong cấu trúc đó, phát triển không còn chỉ là sự gia tăng của cải, mà trở thành quá trình tổ chức hài hòa giữa tiến bộ vật chất và trưởng thành tinh thần, giữa năng lực quản trị và đạo lý xã hội.

Chính vì vậy, ba đột phá chiến lược của Đại hội XIV không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật đối với quản lý nhà nước, mà còn hàm chứa một định hướng giá trị: phát triển phải được đặt trên nền tảng kỷ cương thể chế, trí tuệ con người và môi trường xã hội lành mạnh. Đây là tiền đề để tiến trình hiện đại hóa đất nước không rơi vào tình trạng lệch chuẩn, mà hướng tới một mô hình phát triển bền vững, hài hòa và nhân văn.

4. Đại đoàn kết toàn dân tộc - Giá trị chính trị gặp gỡ giá trị Phật học

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng hội tụ và phát huy sức mạnh của Nhân dân, là điều kiện bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và các tầng lớp xã hội trong tiếp cận cơ hội phát triển và thụ hưởng thành quả đổi mới. Quan điểm này không chỉ mang ý nghĩa chính trị – tổ chức, mà còn hàm chứa một chiều sâu văn hóa - đạo lý: sự phát triển của quốc gia không thể tách rời sự cố kết của cộng đồng, và sự bền vững của chế độ không thể tách rời niềm tin xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh một cách giản dị mà hàm súc: **“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”**.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Tư tưởng ấy thể hiện nhận thức nhất quán rằng đoàn kết không chỉ là phương thức hành động, mà là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Ở tầm mức của Đại hội XIV, tinh thần này được đặt trong bối cảnh mới: đoàn kết để vượt qua những khác biệt về lợi ích, văn hóa và niềm tin trong một xã hội ngày càng đa dạng; đoàn kết để hóa giải những tác động phân hóa của kinh tế thị trường và không gian mạng; đoàn kết để bảo đảm rằng tiến trình hiện đại hóa không làm đứt gãy mối liên kết cộng đồng.

Tinh thần đại đoàn kết của Đảng có sự tương hợp sâu sắc với giáo lý Phật giáo về **hòa hợp** (*saṃghasāmaggī*) và **từ bi** (*karuṇā*). Trong Phật học, hòa hợp không đơn thuần là sự chung sống không xung đột, mà là trạng thái đồng thuận

nội tâm và hành xử dựa trên hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau; từ bi không chỉ là tình thương, mà là năng lực chuyển hóa khổ đau và hóa giải đối lập. Khi đặt trong đời sống xã hội, hòa hợp và từ bi trở thành nền tảng đạo đức cho việc xây dựng cộng đồng ổn định, khoan dung và giàu sức sống tinh thần.

Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng khẳng định: **“Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, lấy phụng sự đất nước và Nhân dân làm phương châm hành đạo; lấy từ bi, trí tuệ và hòa hợp làm nền tảng xây dựng đời sống xã hội”**.

Lời khẳng định này cho thấy Phật giáo Việt Nam không đứng ngoài tiến trình phát triển của đất nước, mà chủ động nhập thế, tham gia bồi đắp các giá trị tinh thần cần thiết cho sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Từ góc nhìn liên ngành giữa chính trị học và Phật học, có thể nhận thấy một sự gặp gỡ có ý nghĩa:

- Đảng nói về đại đoàn kết bằng **ngôn ngữ chính trị**, nhấn mạnh sự thống nhất về mục tiêu và lợi ích quốc gia - dân tộc.
- Phật giáo nói về hòa hợp bằng **ngôn ngữ đạo lý**, nhấn mạnh sự cảm thông, bao dung và chuyển hóa nội tâm.

Tuy khác nhau về cách diễn đạt, nhưng cả hai cùng hướng tới một mục tiêu chung: **ổn định tinh thần xã hội và phát triển bền vững con người**. Chính ở điểm giao thoa này, đại đoàn kết không chỉ là chiến lược chính trị, mà còn trở thành một giá trị văn hóa - đạo đức, trong đó sự thống nhất được xây dựng không bằng áp đặt, mà bằng thuyết phục; không chỉ bằng lợi ích vật chất, mà bằng niềm tin và lương tri xã hội.

Có thể nói, tinh thần đại đoàn kết mà Đại hội XIV đề cao, khi được soi chiếu bằng lăng kính Phật học, không chỉ nhằm tạo ra sự đồng thuận bề ngoài, mà còn hướng tới việc hình thành một nền tảng hòa hợp từ bên trong mỗi con người. Đó là sự hòa hợp giữa cá nhân và cộng đồng, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung, giữa phát triển vật chất và nuôi dưỡng đời sống tinh thần. Trên nền tảng ấy, đoàn kết không còn là khẩu hiệu, mà trở thành một năng lực xã hội - năng lực cùng nhau vượt qua khác biệt để kiến tạo tương lai chung trong tinh thần nhân ái, trí tuệ và trách nhiệm.

5. Bảo vệ nền tảng tư tưởng - Từ phản bác sang kiến tạo niềm tin

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ: bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ sống còn của chế độ, là điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển đất nước trong dài hạn. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội đa dạng về niềm tin, giá trị và chịu tác động mạnh mẽ của không gian mạng, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng không thể chỉ được hiểu theo nghĩa phòng thủ, tức là dừng lại ở việc phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, mà cần được mở rộng theo hướng **chủ động kiến tạo niềm tin tích cực trong đời sống xã hội**.

Trong không gian tôn giáo và đời sống tinh thần của cộng đồng, “bảo vệ” không chỉ là tranh luận đúng - sai, mà còn là quá trình định hướng cảm xúc, ổn định tâm lý và bồi đắp những giá trị đạo đức nền tảng. Ở bình diện này, Phật giáo có một vai trò đặc biệt bởi khả năng tác động sâu vào nội tâm con người, thông qua giáo lý về từ bi, trí tuệ và chuyển hóa khổ đau. Nếu nhìn từ góc độ Phật học ứng dụng, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng có thể được tiếp cận như một quá trình **chuyển hóa nhận thức xã hội**: từ trạng thái bất an sang an ổn, từ đối kháng sang cảm thông, từ cực đoan sang trung đạo.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Cụ thể, Phật giáo có thể góp phần quan trọng trong ba phương diện. Thứ nhất, **chuyển hóa tâm lý bất mãn**, bằng việc giúp con người nhận diện và điều chỉnh những cảm xúc tiêu cực nảy sinh trong quá trình biến đổi xã hội nhanh chóng. Thứ hai, **hóa giải khuynh hướng cực đoan**, thông qua việc nuôi dưỡng thái độ bao dung, đối thoại và tinh thần hòa hợp, hạn chế sự đối lập gay gắt giữa các hệ giá trị và niềm tin khác nhau. Thứ ba, **nuôi dưỡng đạo đức xã hội**, bằng cách khơi dậy ý thức trách nhiệm cá nhân, tinh thần vị tha và lối sống

hướng thiện trong cộng đồng.

Nếu Đảng giữ vai trò **định hướng chính trị và kiến tạo khuôn khổ thể chế**, thì Phật giáo với uy tín đạo đức và ảnh hưởng xã hội sâu rộng có thể góp phần **ổn định tinh thần cộng đồng**, làm “mềm hóa” những căng thẳng nhận thức nảy sinh trong quá trình cải cách sâu rộng và hội nhập quốc tế. Ở đây, sự bổ trợ giữa định hướng chính trị và dẫn dắt đạo lý tạo nên một cơ chế tác động kép: một mặt bảo đảm sự vững chắc của nền tảng tư tưởng, mặt khác củng cố niềm tin xã hội bằng con đường thuyết phục nội tâm chứ không chỉ bằng mệnh lệnh hành chính.

Theo cách tiếp cận đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới không chỉ là một nhiệm vụ chính trị thuần túy, mà còn là một quá trình văn hóa - đạo đức, trong đó việc xây dựng niềm tin được đặt ngang hàng với việc phản bác sai lệch. Chính sự kết hợp giữa lý trí chính trị và đạo lý Phật học sẽ tạo nên sức mạnh mềm đặc thù của xã hội Việt Nam: sức mạnh của sự ổn định tinh thần, của lòng tin được bồi đắp từ hiểu biết và của sự đồng thuận được xây dựng trên nền tảng nhân ái và trí tuệ.

6. Từ văn kiện đến đời sống: Thước đo cuối cùng là nhân dân

Một điểm nhấn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc của Đại hội XIV là yêu cầu chuyển mạnh từ “quyết tâm chính trị” sang “kết quả thực thi”, từ việc ban hành chủ trương sang tổ chức hành động, từ hoạch định chính sách sang kiểm chứng bằng đời sống xã hội. Điều này cho thấy Đại hội không chỉ đặt ra những mục tiêu mang tính định hướng, mà còn nhấn mạnh trách nhiệm biến các mục tiêu ấy thành những thay đổi cụ thể trong cuộc sống của Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: **“Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh”**.

Lời dạy ấy không chỉ là phương châm đạo đức của người cán bộ cách mạng, mà còn là một nguyên tắc quản trị mang tính nhân văn: mọi chính sách, mọi quyết định phát triển đều phải được soi chiếu từ lợi ích thiết thực của Nhân dân, chứ không dừng lại ở sự đúng đắn trên văn bản.

Tinh thần đó có sự tương hợp sâu sắc với tư tưởng Phật học, vốn lấy **lợi ích của chúng sinh** làm tiêu chuẩn cao nhất cho hành động. Trong Phật giáo, một hành vi chỉ thực sự có giá trị khi góp phần làm giảm khổ đau và tăng trưởng an lạc cho con người. Khi vận dụng vào lĩnh vực chính sách công, tiêu chuẩn ấy có

thể được hiểu như một thước đo đạo lý của phát triển: phát triển không chỉ là gia tăng của cải vật chất, mà còn là quá trình làm cho đời sống con người bớt bất an, xã hội bớt xung đột và cộng đồng thêm gắn bó.

Theo cách tiếp cận đó, một chính sách được xem là tốt không chỉ vì đúng về lý luận hay phù hợp với mục tiêu chiến lược, mà còn vì nó đáp ứng được ba tiêu chí cốt lõi. Thứ nhất, **làm giảm khổ đau**, tức là góp phần giải quyết những khó khăn hiện hữu của người dân trong đời sống kinh tế, xã hội và tinh thần. Thứ hai, **tăng an tâm**, tức là tạo dựng cảm giác ổn định, tin cậy và khả năng dự liệu tương lai cho mỗi cá nhân và gia đình. Thứ ba, **tăng niềm tin xã hội**, tức là củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, giữa cộng đồng và các thiết chế công quyền trên nền tảng minh bạch, công bằng và trách nhiệm.

Ở chiều sâu đó, yêu cầu chuyển từ văn kiện đến đời sống không chỉ là vấn đề kỹ thuật tổ chức thực hiện, mà còn là vấn đề đạo lý chính trị. Văn kiện của Đảng chỉ thực sự có giá trị khi được hiện thực hóa thành sự cải thiện cụ thể của đời sống Nhân dân; và thành công của Đại hội XIV chỉ có thể được khẳng định trọn vẹn khi những mục tiêu lớn về phát triển, đoàn kết và ổn định được phản ánh trong từng công việc nhỏ của chính quyền và trong từng cảm nhận hàng ngày của người dân. Chính Nhân dân, với mức độ bớt khổ đau, thêm an tâm và tăng niềm tin, sẽ là thước đo cuối cùng cho hiệu quả của mọi chủ trương và chính sách trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Kết luận

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là một sự kiện chính trị trọng đại, mà còn là một sự kiện tư tưởng - đạo lý có ý nghĩa sâu sắc đối với tiến trình phát triển của dân tộc trong giai đoạn mới. Thành công cốt lõi của Đại hội không chỉ được đo bằng các chỉ tiêu tăng trưởng hay các mục tiêu kinh tế - xã hội, mà trước hết được thể hiện ở việc xác lập một mô hình phát triển lấy **con người làm trung tâm**, lấy **đại đoàn kết toàn dân tộc làm điểm tựa**, và lấy **niềm tin xã hội làm nguồn lực tinh thần chủ đạo**. Ở bình diện này, phát triển không chỉ được hiểu như sự gia tăng của cải vật chất, mà là quá trình kiến tạo một xã hội an ổn hơn, nhân văn hơn và bền vững hơn.

Trong dòng chảy tư tưởng ấy, Phật giáo Việt Nam với truyền thống “hộ quốc an dân”, “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội” và tinh thần nhập thế tiếp tục giữ một vai trò đặc biệt trong đời sống xã hội. Thông qua việc bồi đắp đạo đức xã hội, khơi dậy lối sống hướng thiện và nuôi dưỡng tinh thần từ bi - trí tuệ - hòa hợp, Phật giáo góp phần làm sâu nền tảng tinh thần của đại đoàn kết toàn dân

tộc. Đồng thời, bằng con đường đạo lý và thuyết phục nội tâm, Phật giáo tham gia một cách tích cực vào quá trình củng cố niềm tin xã hội và góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh biến động nhanh chóng của không gian truyền thông và đời sống tinh thần đương đại.

Có thể nhận thấy ở đây một sự gặp gỡ có ý nghĩa lịch sử và thời đại: đó là sự gặp gỡ giữa **tư tưởng Hồ Chí Minh** và **tinh thần Phật giáo Việt Nam**, giữa **đường lối chính trị của Đảng** và **lương tri xã hội**, giữa **ý Đảng** và **lòng dân** trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Chính sự gặp gỡ này tạo nên sức mạnh mềm đặc thù của Việt Nam, sức mạnh của sự đồng thuận được xây dựng trên nền tảng đạo lý, của ổn định xã hội được bồi đắp từ niềm tin, và của phát triển được dẫn dắt bởi trí tuệ và nhân ái.

Trong chiều sâu đó, Đại hội XIV không chỉ mở ra một giai đoạn phát triển mới về kinh tế và quản trị quốc gia, mà còn đặt nền móng cho một thời kỳ phát triển mang tính đạo lý: phát triển để con người bớt khổ đau, để xã hội thêm an hòa và để tương lai dân tộc được kiến tạo trên nền tảng của niềm tin, đoàn kết và trách nhiệm chung.

Tác giả: Nguyễn Hoàng Hành

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tài liệu tham khảo:

- 1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 2] Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (2026), *Đề cương Thông báo nhanh kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng* (Công văn số 03-/BTGDVTW), Hà Nội.
- 3] Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.
- 4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 5] Tô Lâm (2026), *Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
- 6] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2022), *Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

7] Thích Trí Quảng (2023), *Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

8] Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2020), *Phật giáo Việt Nam: Truyền thống nhập thế và hiện đại hóa*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

9] Nguyễn Văn Huyền (2019), *Đạo đức Phật giáo và đời sống xã hội Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10] Trần Văn Giàu (2018), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.